

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC ĐẤT
Chuyên ngành: Khoa học đất; Nông hóa-Thổ nhưỡng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐẤT THẾ GIỚI (The soils of the world)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: **QL03016**
- Học kì: 3
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2.0 - Thực hành 0)**
- **Tự học: 04**
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 06 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân có hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Khoa học đất
 - Khoa: Quản lý đất đai
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | | | | | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---|--|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> | |
| | | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| | | | | | | | |

- Học phần học song hành:
- Học phần học trước: Thổ nhưỡng chuyên khoa (QL02009)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Cung cấp cho học viên những hiểu biết cơ bản về sự phân bố, quá trình hình thành, các đặc điểm hình thái, các tính chất lý hoá và sinh học cơ bản, khả năng sử dụng, các biện pháp bảo vệ và cải tạo các nhóm đất chính của thế giới.
- Về kỹ năng: Có khả năng phân biệt các loại đất chính của thế giới qua các đặc trưng hình thái, cấu trúc đất

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để tiếp cận với khoa học hiện đại và có ý thức học tập suốt đời;

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | | | |
|---------|--------------|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 | CĐR 7 | CĐR 8 |
| QL03016 | Đất thế giới | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 | 2 | 1 | 1 |
| | | CĐR 9 | CĐR10 | CĐR11 | CĐR12 | CĐR13 | CĐR14 | CĐR15 | |
| | | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | |

Ghi chú: 1. Không đóng góp; 2. Có đóng góp; 3. Đóng góp nhiều

| Ký hiệu | KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CĐR của CTĐT |
|---------------------------------------|--|--------------|
| Kiến thức | | |
| K1 | Nắm vững được bảng phân vị của 3 trường phái phân loại đất lớn trên thế giới: Phát sinh, FAO, USDA. Các nhóm đất quy chiếu theo các hệ phân loại khác nhau | CĐR3 |
| K2 | Nắm vững được các quy luật hình thành, phân bố, tính chất của các loại đất chính trên thế giới | CĐR3 CĐR4 |
| K3 | Vận dụng các kiến thức về tính chất đất, điều kiện tự nhiên phát sinh đất để đề xuất sử dụng đất, phân bón phù hợp | CĐR 5, CĐR 6 |
| Kỹ năng | | |
| K4 | Có kỹ năng làm việc nhóm, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc; thuyết trình | CĐR 9 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| K5 | Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; thích ứng tốt với tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước | CĐR 14 |
| K6 | Có ý thức tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ | CĐR 15 |

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03016. Đất thế giới (Soil of the world). (2TC: 02-0-4). Khái quát về quỹ đất thế giới. Các trường phái phân loại đất trên thế giới. Các nhóm đất vùng ôn đới. Các nhóm đất miền nhiệt đới và á nhiệt đới, các nhóm đất có tính phi địa đới. *Học phần học trước: Thổ nhưỡng chuyên khoa.*

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

+ Thuyết giảng

+ Nghiên cứu tình huống

- + Sử dụng câu hỏi TNKQ trong giảng dạy
- + Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy
- + Giảng dạy thông qua thảo luận

2. Phương pháp học tập

- + Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo
- + Thảo luận tích cực các tình huống giảng viên đưa ra
- + Viết tiểu luận nhóm
- + Thuyết trình đề tài tiểu luận
- + Chủ động đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia ít nhất 2 bài kiểm tra
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia làm bài tập nhóm (từ 4-5 sinh viên) và thuyết trình trên lớp
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ

VI. Đánh giá và cho điểm

1.Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

3.Phương pháp đánh giá

| Rubric đánh giá | Nội dung/Tiêu chí đánh giá | KQHTMD được đánh giá | Trọng số (%) | Thời gian/Tuần học |
|---------------------------|----------------------------|----------------------|--------------|--------------------|
| Chuyên cần | | | 10 | |
| Chuyên cần | Thời gian tham dự | K1, K2, K3, K6, | 5 | 1-10 |
| | Thái độ tham dự | K1, K2, K3, K6 | 5 | |
| Đánh giá quá trình | | | 30 | |
| Tiểu luận | Chuẩn bị bài và nộp bài | K2, K3, K5, | 5 | 2-8 |
| | Thái độ tham dự | K5, K6 | 3 | |
| Thuyết trình | Nội dung | K2, K3, K4 | 3 | 9-10 |
| | Kiểm soát thời gian | | 1 | |

| | | | | |
|------------------|---------------------------------|----------------|-----------|--------------|
| | Kỹ năng trình bày | K4 | 1 | |
| | Trả lời và xử lý câu hỏi | K2, K3, K4, K6 | 2 | |
| Kiểm tra giữa kỳ | Kiến thức cơ bản | K1, K2 | 10 | 7 |
| | Vận dụng | K3 | 5 | |
| Cuối kỳ | | | 60 | 16-18 |
| Thi viết cuối kỳ | Phương pháp trình bày | K5 | 10 | |
| | Nội dung kiểm | K1, K2, K3 | 30 | |
| | Liên hệ kiến thức vào thực tiễn | K1, K2, K3, | 20 | |

Rubric 1: Tham dự lớp (10đ) (điểm chuyên cần)

| 1. THAM DỰ LỚP | | | |
|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| <i>Tiêu chí</i> | <i>Tốt</i> | <i>Trung bình</i> | <i>Kém</i> |
| Thời gian tham dự | 85-100% (5 đ) | 75-85% (3 đ) | <75% 0đ |
| Thái độ tham dự | Tích cực đóng góp ý kiến (5 đ) | Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến (3 đ) | Không đóng góp ý kiến (0 đ) |

Rubric 2: Đánh giá, kiểm tra giữa kỳ

Rubric 2.1: Tiểu luận (8đ): Tính vào điểm giữa kỳ

| 3. VIẾT TIỂU LUẬN | | | |
|--------------------------|-------------------------|---|----------------------|
| <i>Tiêu chí</i> | <i>Tốt</i> | <i>Trung bình</i> | <i>Kém</i> |
| Chuẩn bị bài và nộp bài | 85-100% (5 đ) | 70-85% (2 đ) | <70% 0 đ |
| Thái độ tham dự | Tích cực tham gia (3 đ) | Tham gia nhưng không chủ động, tích cực (2 đ) | Không tham gia (0 đ) |

Rubric 2.2: Thuyết trình (7đ): Tính vào điểm giữa kỳ

| 4. THUYẾT TRÌNH | | | |
|-------------------------|--|---|--|
| <i>Tiêu chí</i> | <i>Tốt</i> | <i>Trung bình</i> | <i>Kém</i> |
| Cấu trúc/Thiết kế slide | Cân đối, trực quan, sáng tạo, thẩm mỹ, logic (1đ) | Cân đối, chưa thẩm mỹ, sáng tạo (0.5đ) | Thiếu cân đối, thiếu thẩm mỹ, lộn xộn, nhiều lỗi (0đ) |
| Nội dung | Chính xác, đầy đủ, cập nhật (2đ) | Đúng chủ đề, không cập nhật (1 đ) | Lệch chủ đề, không cập nhật (0đ) |
| Kiểm soát thời gian | Đúng thời gian quy định (1 đ) | Vượt thời gian <20% (0.5đ) | Vượt thời gian >20% (0đ) |
| Kỹ năng trình bày | Nói to, rõ ràng, ngữ điệu phù hợp, dẫn dắt thu hút, thuyết phục (1đ) | Nói to, rõ ràng, chưa phù hợp lắm về ngữ điệu, ít lôi cuốn (0.5đ) | Nói nhỏ, chưa biết cách dẫn dắt vấn đề và thuyết phục (0đ) |

| | | | |
|--------------------------|---|------------------------------------|---|
| Trả lời và xử lý câu hỏi | Đúng, có phản xạ tốt, có quan điểm rõ ràng (2đ) | Đúng nhưng phản xạ chưa tốt (0.5đ) | Trả lời câu hỏi không đúng hoặc chưa đầy đủ(0đ) |
|--------------------------|---|------------------------------------|---|

Rubric 2.3: Kiểm tra giữa kỳ (15đ): Tính vào điểm giữa kỳ

| 5. KIỂM TRA GIỮA KỲ (TRẮC NGHIỆM) | | | |
|--|-------------------------|-----------------|-------------|
| <i>Tiêu chí</i> | <i>Kiến thức cơ bản</i> | <i>Vận dụng</i> | <i>Tổng</i> |
| Bài kiểm tra 1: (chương 1) | 4 đ | 2đ | 6 đ |
| Bài kiểm tra 2 (chương 2) | 6 đ | 3 đ | 9 đ |

Rubric 3: Thi cuối kỳ (60đ)

| 6. THI CUỐI MÔN HỌC | | | |
|---------------------------------|---|--|--|
| <i>Tiêu chí</i> | <i>Tốt</i> | <i>Trung bình</i> | <i>Kém</i> |
| Phương pháp trình bày | Logic, rõ ràng (10đ) | Có mắc lỗi (5đ) | Không logic (2) |
| Nội dung kiểm tra lý thuyết | Đủ và đúng, giải thích được tất cả các nội dung của bài (30đ) | Trình bày và giải thích được 50-60% các nội dung (20đ) | Nội dung còn sơ sài (<50%) (10đ) |
| Liên hệ kiến thức vào thực tiễn | Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn (20đ) | Vận dụng được một phần kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoặc vận dụng chưa đúng (15đ) | Không vận dụng được lý thuyết vào thực tiễn (0đ) |

Rubric 4 : Đánh giá bài thi cuối kỳ

| Nội dung kiểm tra | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|--------------------------|--|---|
| Chương 1 | Chỉ báo 1: Các trường phái phân loại đất chính trên thế giới: Sự hình thành, Quá trình phát triển và hoàn thiện, Quy mô ứng dụng Chỉ báo 2: Tóm tắt nội dung Phân loại đất theo FAO Chỉ báo 3: Tóm tắt nội dung Phân loại đất của Mỹ (Soil Taxonomy) Chỉ báo 4: Tóm tắt nội dung Phân loại đất theo phát sinh (Nga) | K1 |
| Chương 2 | Chỉ báo 5. Nhóm đất Podzol (Sự phân bố, quá trình hình thành, các đặc điểm hình thái, các tính chất lý hoá sinh học cơ bản, khả năng sử dụng và cải tạo) Chỉ báo 6: Nhóm đất Chernozem Chỉ báo 7: Nhóm đất Kastanozem | K1, K2 |

| | | |
|----------|---|--------|
| Chương 3 | Chỉ báo 8: Nhóm Luvisols Chỉ báo 9: Nhóm Ferralsols Chỉ báo 10: Nhóm Acrisols, Chỉ báo 11: Nhóm Calcisols | K1, K3 |
| Chương 4 | Chỉ báo 12: Nhóm Arenosols Chỉ báo 13: Nhóm Fluvisols, Chỉ báo 14: Nhóm Histosols Chỉ báo 15: Nhóm Solonchaks, Chỉ báo 16: Nhóm Solonez | K1, K3 |

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm mỗi ngày trừ 1 điểm, quá 05 ngày sẽ không thu bài.

Tham dự các bài thi: Không tham gia viết tiểu luận và không tham dự thảo luận của nhóm mình thì không đủ điều kiện dự thi cuối kỳ

Yêu cầu về đạo đức:

+ Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

+ Các bài tập ở nhà và tiểu luận phải do chính sinh viên thực hiện. Nếu sao chép thì bị đánh giá 0 (không) điểm giữa kỳ.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình:

1. Cao Việt Hà, (2017) *Giáo trình đất thế giới*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội
2. Trần Văn Chính và nnk, 2006. *Giáo trình thổ nhưỡng học*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

3. FAO (1994) *Soil map of the world. Revised legend with corrections*. Wageningen.
4. FAO of ON, 2006. *World reference base for soil resources*. Rome.
5. C.B.Zonn, 1986. *Tropical and subtropical soil science*. Maxcova.
6. Кауричев И.С, 1989. *Почвоведение*. Колос.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | KQHTMD của học phần |
|------|---|---------------------|
| 1-2 | <p>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>Bài mở đầu (1 tiết)</p> <p>Chương I: Các trường phái phân loại đất chính trên thế giới (5 tiết)</p> <p>1.1 Các trường phái phân loại đất chính trên thế giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự hình thành, + Quá trình phát triển và hoàn thiện, + Quy mô ứng dụng <p>1.2 Tóm tắt nội dung một số trường phái phân loại đất hiện đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân loại đất theo FAO + Phân loại đất của Mỹ (Soil Taxonomy) + Phân loại đất theo phát sinh (Nga) <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <p>Bản chất các phương pháp phân loại đất</p> | K1 |

| | | |
|------|---|--------------------|
| 2-4 | <p>Nội dung GD lý thuyết: (7 tiết)</p> <p>Chương II: Một số nhóm đất đặc trưng vùng ôn đới</p> <p>2.1. Nhóm đất Podzol (Sự phân bố, quá trình hình thành, các đặc điểm hình thái, các tính chất lý hoá sinh học cơ bản, khả năng sử dụng và cải tạo)</p> <p>2.2. Nhóm đất Chernozem</p> <p>2.3 Nhóm đất Kastanozem</p> <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết) Hiện trạng sử dụng các nhóm đất</p> | K1, K2 |
| 5-7 | <p>Nội dung GD lý thuyết: (7 tiết)</p> <p>Chương III: Các nhóm đất đặc trưng vùng nhiệt đới và á nhiệt đới</p> <p>3.1 Nhóm Luvisols</p> <p>3.2 Nhóm Ferralsols</p> <p>3.3 Nhóm Acrisols,</p> <p>3.4 Nhóm Calcisols</p> <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết) Hiện trạng sử dụng các nhóm đất</p> | K1, K3 |
| 7-8 | <p>Nội dung GD lý thuyết: (7 tiết)</p> <p>Chương IV: Các nhóm đất có tính phi địa đới</p> <p>4.1 Nhóm Arenosols</p> <p>4.2 Nhóm Fluvisols,</p> <p>4.3 Nhóm Histosols</p> <p>4.4 Nhóm Solonchaks,</p> <p>4.5 Nhóm Solonez</p> <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết) Hiện trạng sử dụng các nhóm đất</p> | K1, K3 |
| 9-10 | <p>Thảo luận theo các chuyên đề (nội dung các chuyên đề thuộc chương 2- 4)</p> | K2, K3, K4, K5, K6 |

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học sạch sẽ, rộng, thoáng kèm theo các thiết bị thiết yếu như bàn ghế tốt, quạt tốt.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đầy đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, loa mic

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Luyện Hữu Cử

PGS. TS. Cao Việt Hà

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

PGS. TS. Cao Việt Hà

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|---|--|
| Họ và tên: Cao Việt Hà | Học hàm, học vị: PGS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0982170098 |
| Email: cvha@vnua.edu.vn | Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại | |

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|---|--|
| Họ và tên: Nguyễn Hữu Thành | Học hàm, học vị: GS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0912 729 016 |
| Email: nguyenhuuthanh@vnua.edu.vn | Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại | |